

Số: ~~572~~/QĐ-UBND-NC

Quận 4, ngày 04 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH**Công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4***Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;**Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;**Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá nội bộ ngày 03/9/2020 và Biên bản họp xem xét lãnh đạo về Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 ngày 03 tháng 9 năm 2020;**Xét đề nghị của đại diện lãnh đạo Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 và Trưởng phòng Nội vụ Quận 4 tại Tờ trình số 541/TTr-PNV ngày 03/9/2020.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân Quận 4 phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động kèm theo quyết định này (đính kèm danh mục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc quận và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND TP;
- Sở KH&CN: CCTCĐLCL; } (để báo cáo)
- TT.UBND quận;
- Các phòng ban;
- UBND 15 Phường;
- VP HĐ&UB; CVP;
- Lưu: VT, N(35 b).

Q. CHỦ TỊCH**Đỗ Thị Trúc Mai**



**DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4 ĐƯỢC BAN HÀNH
THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-UBND-NC ngày 04 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 4)*

STT	Tên Quy trình	Phòng thực hiện	Ghi chú
I. Lĩnh vực Tổ chức phi Chính phủ (Quyết định số 5456/QĐ-UBND ngày 17/10/2016)			
1.	Công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong quận – huyện; phường – xã, thị trấn	Phòng Nội vụ	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 2162/QĐ-UBND ngày 12/6/2020
2.	Đăng ký tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường có phạm vi hoạt động trong quận – huyện, phường – xã, thị trấn (dùng cho đơn vị tổ chức Đại hội từ nhiệm kỳ thứ 2 trở đi)	Phòng Nội vụ	
3.	Phê duyệt điều lệ hội có phạm vi hoạt động trong quận – huyện; phường – xã, thị trấn	Phòng Nội vụ	
II. Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo (Quyết định số 6038/QĐ-UBND ngày 29/12/2018)			
4.	Đề nghị tổ chức Đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	Phòng Nội vụ	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 12/6/2020
5.	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	Phòng Nội vụ	
6.	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	Phòng Nội vụ	
III. Lĩnh vực Chính quyền địa phương (Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 20/4/2018)			
7.	Thành lập khu phố mới, ấp mới	Phòng Nội vụ	
IV. Lĩnh vực cán bộ, công chức (Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 20/4/2018)			
8.	Tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển	Phòng Nội vụ	

STT	Tên Quy trình	Phòng thực hiện	Ghi chú
9.	Thi tuyển công chức	Phòng Nội vụ	
10.	Thi nâng ngạch công chức	Phòng Nội vụ	
11.	Công nhận phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Phòng Nội vụ	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 2162/QĐ-UBND ngày 12/6/2020
12.	Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Phòng Nội vụ	
V. Lĩnh vực thi đua, khen thưởng (Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 14/11/2018)			
13.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	Phòng Nội vụ	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 2162/QĐ-UBND ngày 12/6/2020
14.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện về thành tích đột xuất	Phòng Nội vụ	
15.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	Phòng Nội vụ	
16.	Tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	Phòng Nội vụ	
17.	Tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở	Phòng Nội vụ	
18.	Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	Phòng Nội vụ	
VI. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp (Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04/6/2018, Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 02/8/2019, Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 20/4/2020)			
19.	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phòng LĐT&XH	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 5223/QĐ-UBND ngày 10/12/2019
20.	Miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phòng LĐT&XH	
21.	Cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phòng LĐT&XH	
22.	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư	Phòng LĐT&XH	

STT	Tên Quy trình	Phòng thực hiện	Ghi chú
22.	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực	Phòng LĐTĐ&XH	
23.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Phòng LĐTĐ&XH	
VII. Lĩnh vực bảo trợ xã hội (Quyết định số 5287/QĐ-UBND ngày 10/10/2016, Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04/6/2018, Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 08/5/2019)			
24.	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phòng Nội vụ	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 4593/QĐ-UBND ngày 23/10/2019
25.	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	Phòng Nội vụ	
26.	Đăng ký thành lập, Đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội	Phòng LĐTĐ&XH	
27.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Phòng LĐTĐ&XH	
28.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Phòng LĐTĐ&XH	
29.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	Phòng LĐTĐ&XH	
30.	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	Phòng LĐTĐ&XH	
VIII. Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em (Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04/6/2018)			
31.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Phòng LĐTĐ&XH	Có quy trình nội bộ

STT	Tên Quy trình	Phòng thực hiện	Ghi chú
32.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Phòng LĐTB&XH	của thành phố theo Quyết định 5223/QĐ-UBND ngày 10/12/2019
IX. Lĩnh vực lao động (Quyết định số 5287/QĐ-UBND ngày 10/10/2016)			Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 4593/QĐ-UBND ngày 23/10/2019
33.	Đăng ký, đăng ký lại nội quy lao động của doanh nghiệp	Phòng LĐTB&XH	
X. Lĩnh vực Chính sách NCC (Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 19/01/2017)			
34.	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	Phòng LĐTB&XH	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 5223/QĐ-UBND ngày 10/12/2019
35.	Lập sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	Phòng LĐTB&XH	
36.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ	Phòng LĐTB&XH	
37.	Giải quyết chế độ đối với người hưởng chính sách như thương binh (trường hợp người bị thương thuộc cơ quan cấp huyện hoặc cấp xã và các trường hợp đóng trên địa bàn)	Phòng LĐTB&XH	
XI. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo (Quyết định số 6440/QĐ-UBND ngày 19/01/2017, Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 01/9/2017, Quyết định số 6046 /QĐ-UBND ngày 28/12/2018, Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 15/5/2019, Quyết định số 5070/QĐ-UBND ngày 28/11/2019, Quyết định 1405/QĐ-UBND ngày 29/4/2020)			
38.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	Phòng GD&ĐT	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 4115/QĐ-UBND ngày 30/9/2019
39.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 15/5/2019- Phòng GD&ĐT	

STT	Tên Quy trình	Phòng thực hiện	Ghi chú
40.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.	Phòng GD&ĐT	
41.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 15/5/2019- Phòng GD&ĐT	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 4115/QĐ-UBND ngày 30/9/2019
42.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Phòng GD&ĐT	
43.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	Phòng GD&ĐT	
44.	Cấp chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 15/5/2019- Phòng GD&ĐT	
45.	Thành lập trường tiểu học công lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	Phòng GD&ĐT	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 4115/QĐ-UBND ngày 30/9/2019
46.	Cho phép hoạt động giáo dục trường tiểu học	Phòng GD&ĐT	
47.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Phòng GD&ĐT	
48.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Phòng GD&ĐT	
49.	Giải thể hoạt động trường tiểu học	Phòng GD&ĐT	
50.	Cấp chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục		
51.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 15/5/2019- Phòng GD&ĐT	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 4115/qđ-UBND ngày 30/9/2019
52.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục		
53.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại		
54.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở		
55.	Giải thể hoạt động trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)		

STT	Tên Quy trình	Phòng thực hiện	Ghi chú
56.	Cấp chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Phòng GD&ĐT	
57.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 15/5/2019- Phòng GD&ĐT	
58.	Công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia		
59.	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia		
60.	Đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Phòng GD&ĐT	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 4115/QĐ-UBND ngày 30/9/2019
61.	Đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	Phòng GD&ĐT	
62.	Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (đối với nhà trẻ, nhóm trẻ; trường, lớp mẫu giáo, trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, phổ thông trung học bán trú và trung tâm học tập cộng đồng)	Quyết định số 6440/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 (Phòng GD&ĐT)	
63.	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Phòng GD&ĐT	
64.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Phòng GD&ĐT	
65.	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non công lập	Phòng GD&ĐT	
66.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Phòng GD&ĐT	Phòng GD&ĐT- Quyết định 1405/QĐ-UBND ngày 29/4/2020
67.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Phòng GD&ĐT	
68.	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Phòng GD&ĐT	
69.	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên	Phòng GD&ĐT	
70.	Công nhận Ban giám hiệu trường mầm non tư thục	Phòng GD&ĐT	
71.	Công nhận Ban giám hiệu trường tiểu học tư thục	Phòng GD&ĐT	
72.	Công nhận Ban giám hiệu trường Trung học cơ sở tư thục	Phòng GD&ĐT	

STT	Tên Quy trình	Phòng thực hiện	Ghi chú
73.	Chuyển trường trường đối với học sinh trung học cơ sở	Phòng GD&ĐT	
74.	Tiếp nhận học sinh Việt Nam về nước cấp trung học cơ sở	Phòng GD&ĐT	
75.	Tiếp nhận học sinh người nước ngoài cấp trung học cơ sở	Phòng GD&ĐT	
XII. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh (Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 20/8/2018)			
76.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Phòng Kinh tế	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 1422/QĐ-UBND ngày 28/4/2020
77.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Phòng Kinh tế	
78.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	Phòng Kinh tế	
79.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Phòng Kinh tế	
80.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Phòng Kinh tế	
XIII. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 17/01/2019)			
81.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Phòng Kinh tế	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 5223/QĐ-UBND ngày 10/12/2019
82.	Cấp Lại Giấy Chứng Nhận Đủ Điều Kiện Cửa Hàng Bán Lẻ LPG Chai	Phòng Kinh tế	
83.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Phòng Kinh tế	
84.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Phòng Kinh tế	
85.	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	Phòng Kinh tế	
86.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Phòng Kinh tế	
87.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	Phòng Kinh tế	
88.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Phòng Kinh tế	
89.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Phòng Kinh tế	
XIV. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 17/01/2019)			

STT	Tên Quy trình	Phòng thực hiện	Ghi chú
90.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Phòng Kinh tế	Có quy trình nội bộ của Thành phố theo Quyết định 5223/QĐ-UBND ngày 10/12/2019
91.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Phòng Kinh tế	
92.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Phòng Kinh tế	
XV. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 20/8/2018)			
93.	Đăng ký hợp tác xã	Phòng Kinh tế	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 4826/QĐ-UBND ngày 11/11/2019
94.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phòng Kinh tế	
95.	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã	Phòng Kinh tế	
96.	Đăng ký khi hợp tác xã chia	Phòng Kinh tế	
97.	Đăng ký khi hợp tác xã tách	Phòng Kinh tế	
98.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	Phòng Kinh tế	
99.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	Phòng Kinh tế	
100.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	Phòng Kinh tế	
101.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	Phòng Kinh tế	
102.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	Phòng Kinh tế	
103.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	Phòng Kinh tế	
104.	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	Phòng Kinh tế	
105.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phòng Kinh tế	
106.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phòng Kinh tế	
107.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	Phòng Kinh tế	

STT	Tên Quy trình	Phòng thực hiện	Ghi chú
108.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	Phòng Kinh tế	
109.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Phòng Kinh tế	
110.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	Phòng Kinh tế	
111.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phòng Kinh tế	
XVI. Lĩnh vực liên thông Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh (Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 13/6/2018)			Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 1422/QĐ-UBND ngày 28/4/2020
112.	Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh, đăng ký thuế	Phòng Kinh tế	
XVII. Lĩnh vực Phát triển nông thôn (Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 18/3/2016)			Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 4826/QĐ-UBND ngày 11/11/2019
113.	Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho hợp tác xã thành lập mới (đối với lĩnh vực nông nghiệp)	Phòng Kinh tế	
XVIII. Lĩnh vực Phát triển nông thôn (Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 13/6/2019)			
114.	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	Phòng Kinh tế	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 4826/QĐ-UBND ngày 11/11/2019
115.	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	Phòng Kinh tế	
116.	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại	Phòng Kinh tế	
117.	Hỗ trợ dự án liên kết	Phòng Kinh tế	
XIX. Lĩnh vực Cấp phép xây dựng (Quyết định số 6070/QĐ-UBND ngày 17/11/2017)			
118.	Giấy phép xây dựng có thời hạn đối với công trình (các công trình còn lại không theo tuyến không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng, Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố, Ban Quản lý Đầu tư – Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Ban Quản lý Đầu tư – Xây dựng Khu đô thị Tây Bắc thành phố; Ban Quản lý các Khu chế xuất và	Phòng QLĐT	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 2543/QĐ-UBND ngày

STT	Tên Quy trình	Phòng thực hiện	Ghi chú
	công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh; công trình tín ngưỡng, công trình quảng cáo, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động)		15/7/2020
119.	Cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn đối với nhà ở riêng lẻ	Phòng QLĐT	
120.	Cấp giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ	Phòng QLĐT	
121.	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo	Phòng QLĐT	
122.	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời	Phòng QLĐT	
123.	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	Phòng QLĐT	
124.	Gia hạn giấy phép xây dựng	Phòng QLĐT	
125.	Cấp lại Giấy phép xây dựng	Phòng QLĐT	
126.	Cấp Giấy phép xây dựng đối với trường hợp xây dựng mới công trình (công trình không theo tuyến; công trình theo tuyến trong đô thị; công trình tín ngưỡng; công trình quảng cáo và công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động)	Phòng QLĐT	
XX. Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật đô thị (Quyết định số 5392/QĐ-UBND ngày 25/12/2019)			
127.	Cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị	Phòng QLĐT	
XXI. Lĩnh vực Đường bộ (Quyết định số 4014/QĐ-UBND ngày 15/8/2015, Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 31/1/2019)			
128.	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Phòng QLĐT	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 5395/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
129.	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Phòng QLĐT	
130.	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Phòng QLĐT	
131.	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Phòng QLĐT	

STT	Tên Quy trình	Phòng thực hiện	Ghi chú
132.	Cấp phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè	Phòng QLĐT	
XXII. Lĩnh vực Nhà ở (Quyết định số 3493/QĐ-UBND ngày 05/7/2017)			
133.	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận, huyện	Phòng QLĐT	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 2543/QĐ-UBND ngày 15/7/2020
XXIII. Lĩnh vực Hộ tịch (Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29/6/2018)			
134.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Phòng Tư pháp	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 1113/QĐ-UBND ngày 30/3/2020
135.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Phòng Tư pháp	
136.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Phòng Tư pháp	
137.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Phòng Tư pháp	
138.	Ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch (sau đây gọi là các việc hộ tịch khác) của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Phòng Tư pháp	
139.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Phòng Tư pháp	
140.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài.	Phòng Tư pháp	
141.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài.	Phòng Tư pháp	
142.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài.	Phòng Tư pháp	
143.	Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc.	Phòng Tư pháp	
144.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	Phòng Tư pháp	
145.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài.	Phòng Tư pháp	

STT	Tên Quy trình	Phòng thực hiện	Ghi chú
146.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài.	Phòng Tư pháp	
147.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài.	Phòng Tư pháp	
148.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.	Phòng Tư pháp	
149.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	Phòng Tư pháp	
XXIV. Lĩnh vực Chứng thực (Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29/6/2018)			
150.	Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Phòng Tư pháp	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 1113/QĐ-UBND ngày 30/3/2020
151.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (thủ tục này cũng được áp dụng trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)	Phòng Tư pháp	
152.	Chứng thực chữ ký người dịch là cộng tác viên của Phòng Tư pháp	Phòng Tư pháp	
153.	Chứng thực chữ ký đối với người không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Phòng Tư pháp	
154.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Phòng Tư pháp	
155.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Phòng Tư pháp	
156.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Phòng Tư pháp	
157.	Cấp bản sao từ sổ gốc	Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 (Phòng Tư pháp)	
XXV. Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật (Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018)			
158.	Công nhận Báo cáo viên pháp luật quận, huyện	Phòng Tư pháp	Có quy trình nội bộ

STT	Tên Quy trình	Phòng thực hiện	Ghi chú
159.	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật quận, huyện	Phòng Tư pháp	của thành phố theo Quyết định 4826/QĐ-UBND ngày 11/11/2019
XXVI. Lĩnh vực Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính (Quyết định số 6048/QĐ-UBND ngày 28/12/2018)			
160.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Phòng Tư pháp	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 1113/QĐ-UBND ngày 30/3/2020
161.	Phục hồi danh dự	Phòng Tư pháp	
162.	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Phòng Tư pháp – TTHC liên thông	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 4827/QĐ-UBND ngày 11/11/2019
XXVII. Lĩnh vực Gia đình (Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 26/9/2016)- Phòng VH TT			
163.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	Phòng VH TT	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 4115/QĐ-UBND ngày 30/9/2019
164.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	Phòng VH TT	
165.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	Phòng VH TT	
166.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Phòng VH TT	
167.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Phòng VH TT	
168.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Phòng VH TT	
XXVIII. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở (Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 26/9/2016)			

STT	Tên Quy trình	Phòng thực hiện	Ghi chú
169.	Đăng ký thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	Phòng VH TT	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 4115/QĐ-UBND ngày 30/9/2019
170.	Công nhận “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương	Phòng VH TT	
171.	Đăng ký thủ tục công nhận “Khu phố văn hóa”	Phòng VH TT	
172.	Đăng ký thủ tục công nhận lần đầu “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”	Phòng VH TT	
173.	Đăng ký thủ tục công nhận lại “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”	Phòng VH TT	
174.	Đăng ký thủ tục công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	Phòng VH TT	
XXIX. Lĩnh vực Thư viện (Quyết định số 5032/QĐ-UBND ngày 26/9/2016)			
175.	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1000 bản đến dưới 2000 bản	Phòng VH TT	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 4115/QĐ-UBND ngày 30/9/2019
XXX. Lĩnh vực Xuất bản, in và phát hành (Quyết định số 5119/QĐ-UBND ngày 14/10/2015)			
176.	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	Phòng VH TT	
177.	Thông báo thay đổi về thông tin đã khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	Phòng VH TT	
178.	Báo cáo định kỳ hoạt động in, dịch vụ photocopy	Phòng VH TT	
XXXI. Lĩnh vực hoạt động Chử thập đỏ (Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 2/7/2016 và Quyết định 59/QĐ/SYT ngày 11/01/2019 của Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh)			
179.	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chử thập đỏ	Phòng Y tế	
180.	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chử thập đỏ khi thay đổi địa điểm	Phòng Y tế	
181.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	Phòng Y tế	

STT	Tên Quy trình	Phòng thực hiện	Ghi chú
XXXII.Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường (Quyết định số 1774/QĐ-UBND ngày 02/5/2018, Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 và Quyết định số 4018/QĐ-UBND ngày 30/9/2019)			
182.	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.	Phòng TN&MT	Có quy trình nội bộ của thành phố theo Quyết định 5223/QĐ-UBND ngày 10/12/2019
183.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân.	Phòng TN&MT	
184.	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Phòng TN&MT	
185.	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước		
186.	Điều chỉnh/ Gia hạn giấy phép xả nước thải vào nguồn nước		
187.	Cấp lại giấy phép xả nước thải vào nguồn nước		
188.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện		
XXXIII. Lĩnh vực Tiếp công dân và giải quyết Khiếu nại (Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 08/5/2019)			
189.	Tiếp công dân	VP UBND	
190.	Giải quyết khiếu nại lần đầu	Thanh tra	
191.	Giải quyết khiếu nại lần hai	Thanh tra	
XXXIV. Lĩnh vực Tố cáo (Quyết định số 1955/QĐ-UB ngày 05/6/2020)			
192.	Giải quyết tố cáo		
XXXV. Lĩnh vực công sản (Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 29/6/2017)			
193.	Điều chuyển tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị	Phòng TCKH	Có quy trình nội bộ của thành phố theo
194.	Bán tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị	Phòng TCKH	

STT	Tên Quy trình	Phòng thực hiện	Ghi chú
195.	Thanh lý tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị	Phòng TCKH	Quyết định 5301/QĐ-UBND ngày 17/12/2019
XXXVI. Lĩnh vực quản lý đầu tư công (Quyết định số 5543/QĐ-UBND ngày 04/12/2018)			
196.	Thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C sử dụng nguồn vốn ngân sách quận - huyện.	Phòng TCKH	
197.	Thẩm định và quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng nhóm C được phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận – huyện quyết định đầu tư	Phòng QLĐT	
198.	Thẩm định và quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng nhóm C được phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận – huyện quyết định đầu tư	Phòng TCKH	
XXXVII. Lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà thầu (Quyết định số 6390/QĐ-UBND ngày 11/12/2017)			
199.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận – huyện.	Ban QLDA ĐTXDKV	
200.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận – huyện.	Ban QLDA ĐTXDKV	
201.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư.	Phòng QLĐT	
202.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư.	Phòng QLĐT	
XXXVIII. Lĩnh vực Quản lý ngân sách nhà nước (Quyết định số 4949/QĐ-UB ngày 05/01/2010)			
203.	Tổ chức chi trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (đối với dự án vốn ngân sách)	Ban BTGPMB	

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân Quận 4
phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với
các hoạt động thuộc phạm vi quản lý nhà nước và giải quyết
thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân Quận 4**

*(Theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 04
tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 4)*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Quận 4, ngày 04 tháng 9 năm 2020

Q. CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Trúc Mai